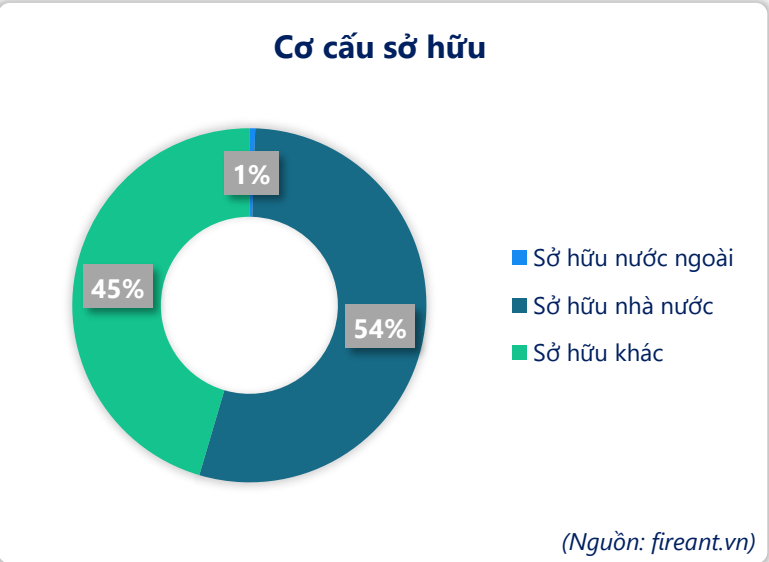
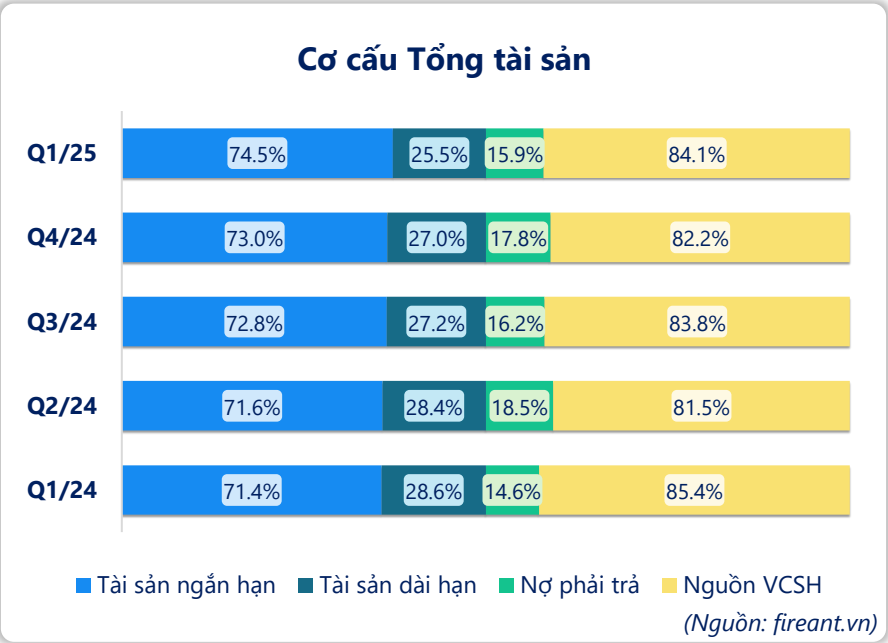
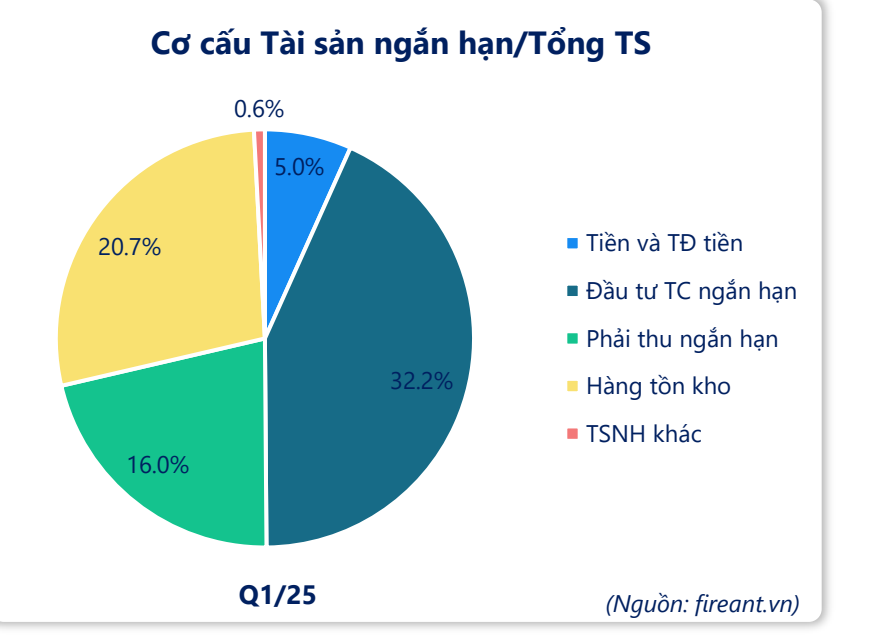
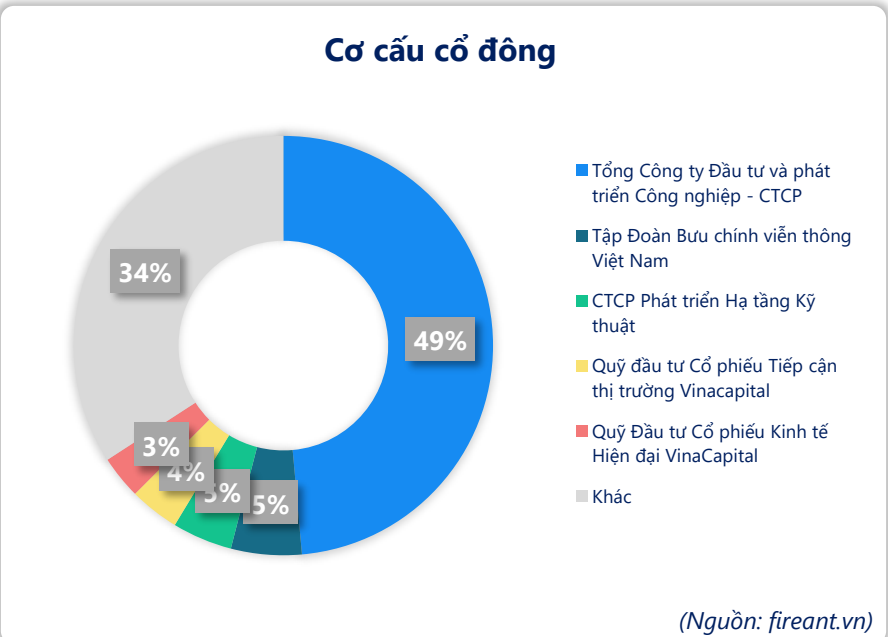
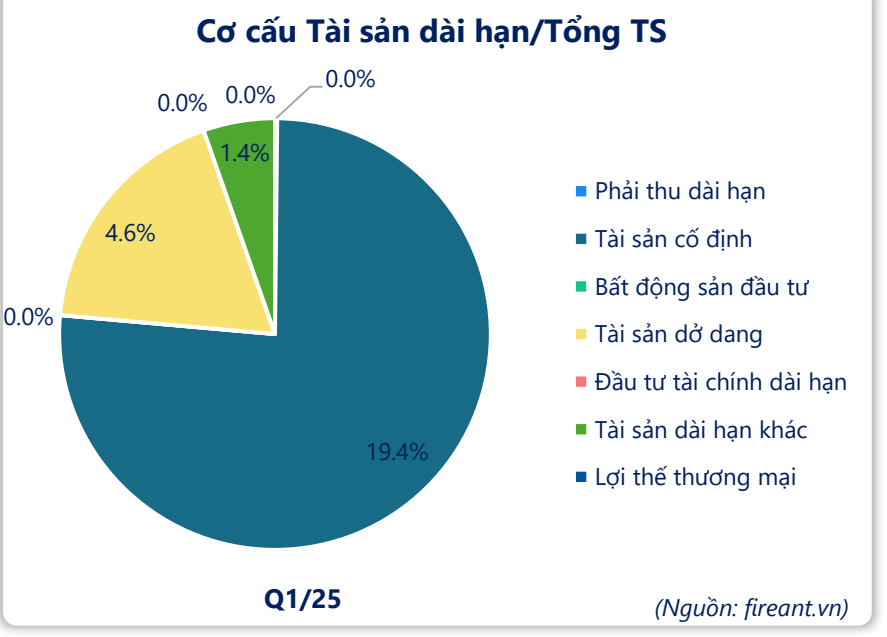
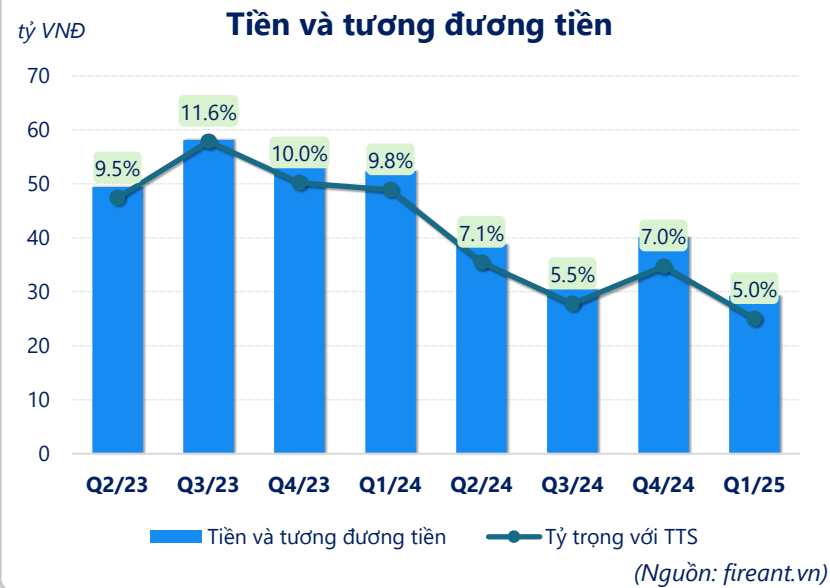
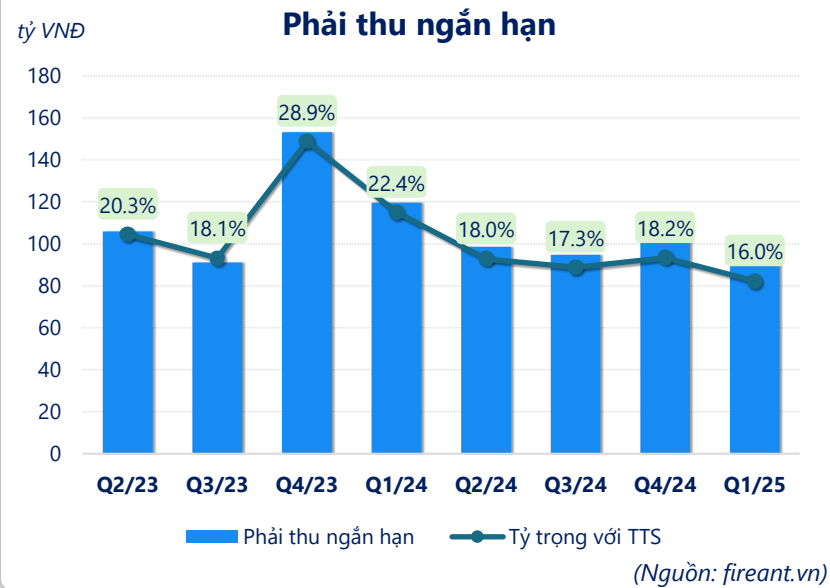
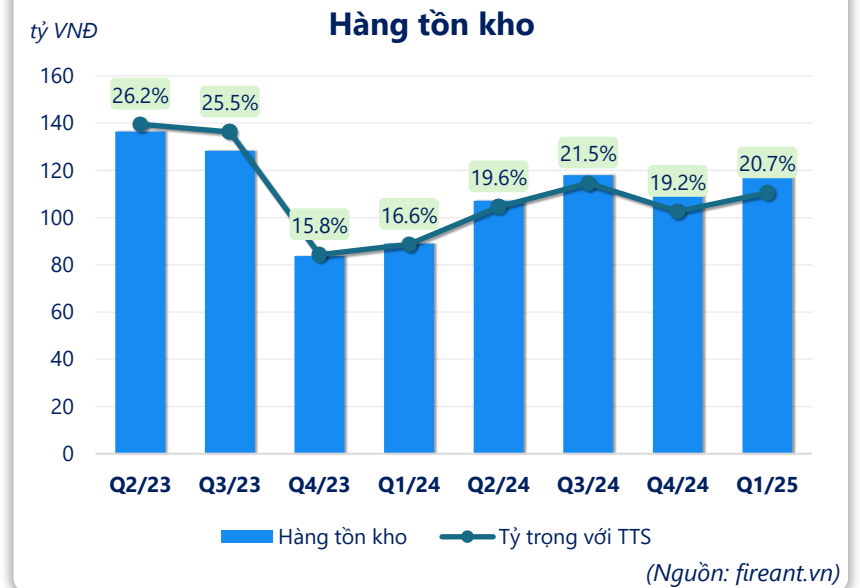
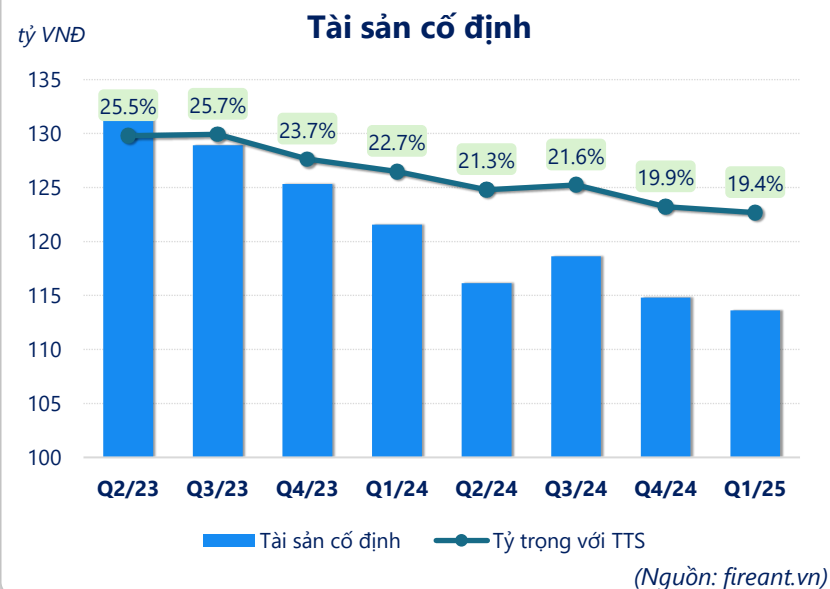
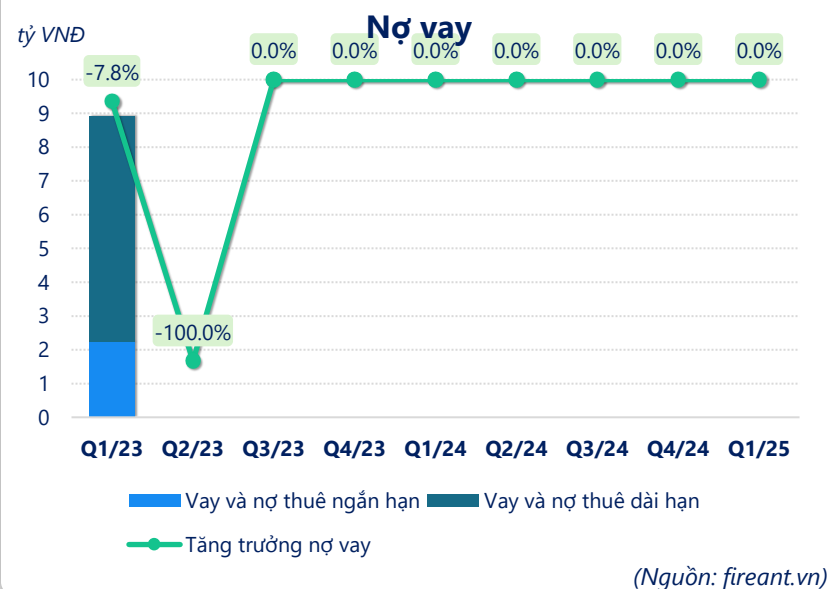
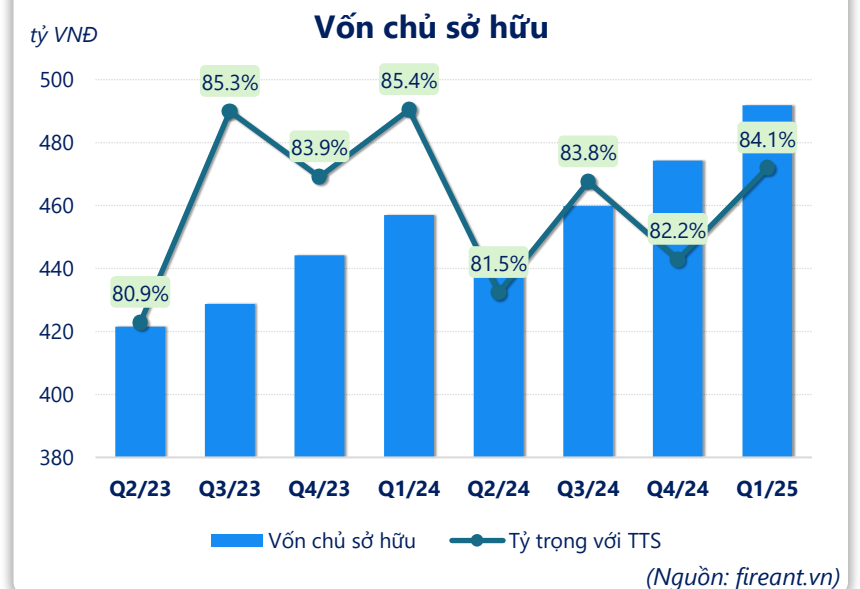
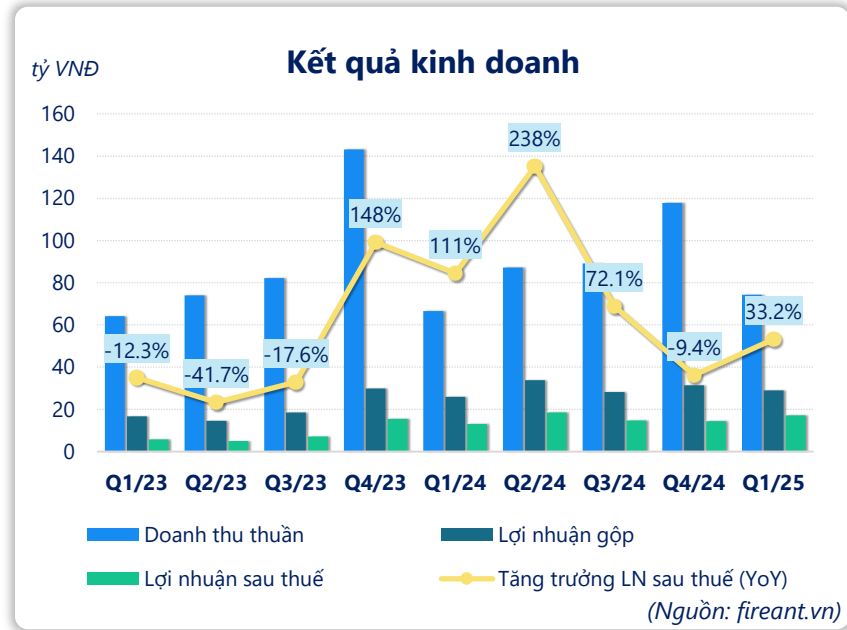
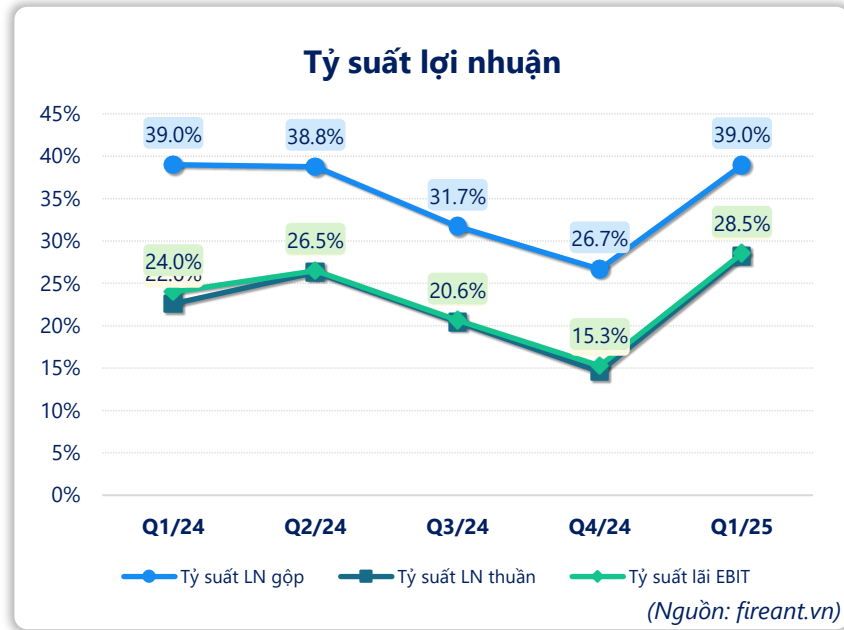
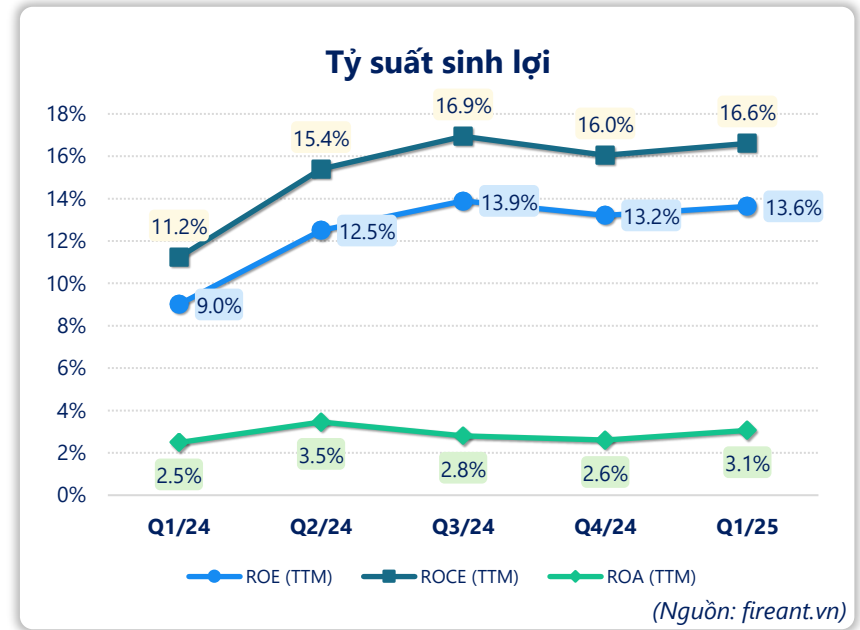
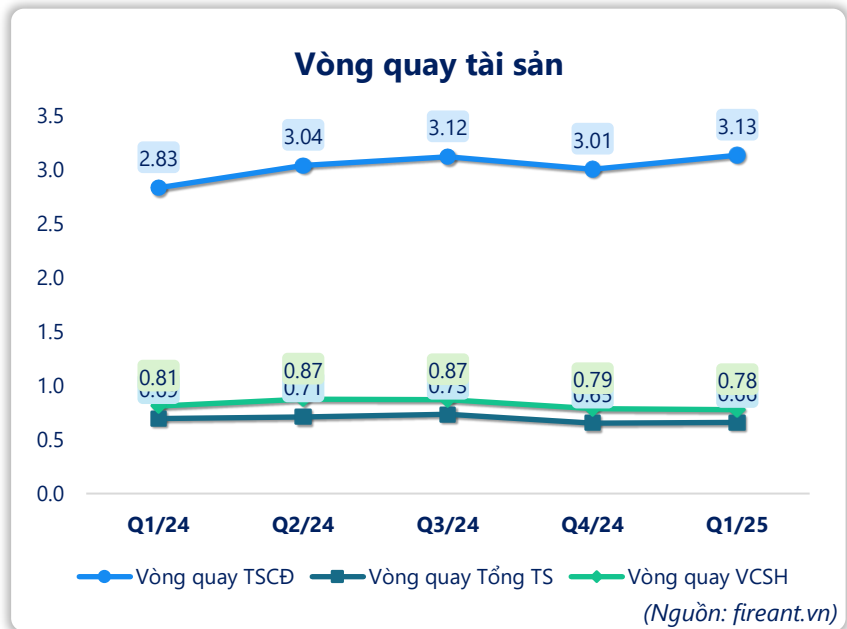
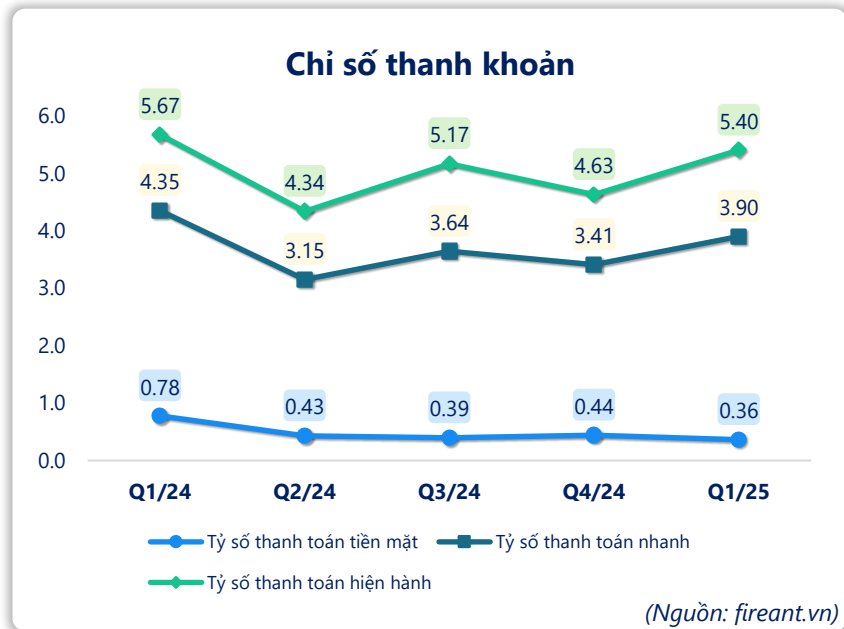
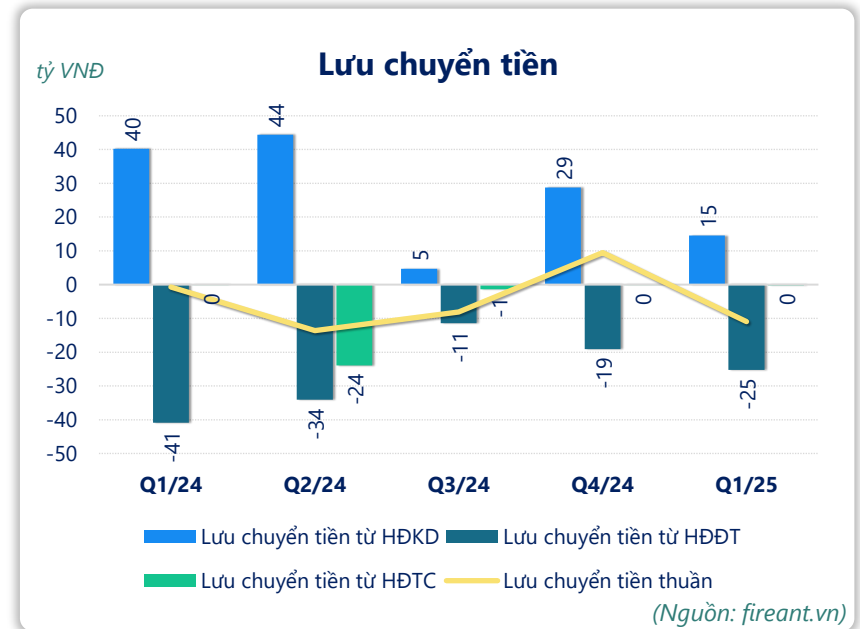


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		26,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,193
SL cổ phiếu LH		36,727,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)		218,490
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		654
P/E		10.1
EPS		1,761

	YTD	1T	3T	6T
TTN	-21.6%	-14.0%	-17.2%	22.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	585	577	1.3%
Tài sản ngắn hạn	436	421	3.4%
Tiền và tương đương tiền	29.3	40.1	-27.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	188	163	15.7%
Phải thu ngắn hạn	93.6	105	-10.7%
Hàng tồn kho	121	111	9.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.66	2.83	29.0%
Tài sản dài hạn	149	156	-4.3%
Phải thu dài hạn	0.25	0.24	3.5%
Tài sản cố định	114	115	-1.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	27.2	32.5	-16.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	7.99	8.25	-3.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	92.8	102	-9.3%
Nợ ngắn hạn	80.6	90.6	-11.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	26.7	35.8	-25.4%
Nợ dài hạn	12.1	11.7	3.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	492	475	3.6%
Vốn chủ sở hữu	492	475	3.6%
Vốn điều lệ	367	367	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	66.6	87.2	89.2	118	74.4
Giá vốn hàng bán	40.6	53.4	61.0	86.4	45.4
Lợi nhuận gộp	26.0	33.8	28.3	31.4	29.0
Doanh thu HĐTC	0.93	1.88	1.35	1.76	1.93
Chi phí TC	0.00	0.00	0.00	0.00	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.69	4.05	3.79	6.19	3.85
Chi phí QLDN	7.16	8.69	7.59	9.83	6.07
LN thuần từ HĐKD	15.0	22.9	18.3	17.2	21.0
Lợi nhuận khác	0.92	0.17	0.16	0.82	0.23
LN trước thuế	16.0	23.1	18.4	18.0	21.2
Lợi nhuận sau thuế	13.1	18.4	14.7	14.4	17.1
LNST của CĐ cty mẹ	13.1	18.4	14.7	14.4	17.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	40.2	44.4	4.64	28.7	14.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-40.9	-34.1	-11.4	-19.1	-25.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.11	-23.9	-1.41	-0.16	-0.22
Tiền đầu kỳ	53.1	52.3	38.7	30.4	40.1
Lưu chuyển tiền thuần	-0.74	-13.6	-8.14	9.48	-10.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	-0.15	0.21	0.04
Tiền cuối kỳ	52.3	38.7	30.4	40.1	29.3

(Nguồn: fireant.vn)